

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày 28-02-2024.

V/v: Tranh chấp về hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Cao Văn Chuộng

2/ Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tường. Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp tiền hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 16/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị T

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện CTA, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu vực X, phường Y, thành phố V, tỉnh H. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số chứng thực 10; quyền số: 01/2024-SCT/HĐ,GD do Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CTA chứng thực ngày 09/01/2024). Có mặt

- Bị đơn: Bà Tăng Kim T1

Ông Huỳnh Văn H

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện CTA, tỉnh H. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Đ.

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:
Trước đây bà Tăng Kim T1 có tham gia nhiều dây hội do bà T làm chủ hội và còn nợ lại số tiền hội chết chưa đóng cụ thể như sau:

- Dây hội khai ngày 30/01/2016 âm lịch, hội 3.000.000 đồng/ 3 tháng gồm có 16 phần, bà T1 tham gia 01 phần, đã đóng được 08 lần tới lần thứ 09 thì kêu hốt (kêu 1.000.000) được số tiền 36.500.000 đồng, sau đó bà T1 có đóng lại được 04 lần hội chết, đối với dây hội này bà T1 còn nợ 03 lần hội chết với số tiền là 9.000.000 đồng.

- Dây hội khai ngày 10/5/2018 âm lịch, hội 1.000.000 đồng/tháng gồm có 19 phần, bà T1 tham gia 01 phần, kêu hốt đầu (kêu 250.000) được số tiền 13.000.000 đồng, sau đó bà T1 có đóng lại được 12 lần hội chết, đối với dây hội này bà T1 còn nợ 06 lần hội chết với số tiền là 6.000.000 đồng.

- Dây hội khai ngày 30/01/2019 âm lịch, hội 5.000.000 đồng/3 tháng gồm có 14 phần, bà T1 tham gia 01 phần, kêu hốt đầu (kêu 1.800.000) được số tiền 39.100.000 đồng, sau đó bà T1 có đóng lại được 01 lần hội chết, đối với dây hội này bà T1 còn nợ 12 lần hội chết với số tiền là 60.000.000 đồng.

Đối với các dây hội bà T1 đã tham gia khi bà T1 kêu hốt dây hội 5.000.000 vào ngày 30/01/2019 thì kể từ đó bà T1 không có đóng tiếp phần tiền nào đối với các dây hội này đến khoảng tháng 7/2019 âm lịch thì bà T1 có gửi được 5.000.000 đồng để đóng hội dây 5.000.000 đồng như đã trình bày ở trên, bà T đã nhiều lần đến gặp bà T1 để yêu cầu bà T1 giao lại số tiền hội chết nhưng bà T1 nhiều lần hứa hẹn, sau đó bà T có đến nhà bà T1 01 lần và có gặp ông H nói về số tiền hội bà T1 còn nợ và ông H có hứa sẽ trả từ từ, đến nay vợ chồng bà T1 vẫn chưa trả được số tiền nào.

Nay bà T yêu cầu bà T1, ông H cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội còn nợ tổng cộng là 75.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Tăng Kim T1 trình bày: bà có tham gia hội do bà Lương Thị T làm chủ hội nhưng đối với các dây hội mà bà T khởi kiện cho rằng còn nợ thì bà thống nhất là các lần hốt hội với số tiền kêu và tiền nhận được từ các chân hội như bà T ghi trong các giấy hội đã nộp cho Tòa án là đúng nhưng đối với từng dây hội cụ thể thì bà có ý kiến như sau:

- Dây hội khai ngày 30/01/2016 âm lịch hội 3.000.000đồng/3 tháng, gồm có 16 phần tôi có tham gia 01 phần đã hốt chết vào đầu năm 2018, sau đó có đóng hội chết lại cho bà T đầy đủ, đối với dây hội này bà không có còn nợ số tiền 9.000.000 đồng như bà T yêu cầu.

- Dây hội khai ngày 10/5/2018 âm lịch, hội 1.000.000đồng/tháng gồm có 19 phần, bà tham gia 01 phần, dây hội này bà kêu hốt đầu tiên với số tiền kêu là 250.000 đồng, sau khi hốt có đóng lại cho bà T đầy đủ và chỉ còn nợ lại 1.000.000 đồng.

- Dây hụi khai ngày 30/01/2019 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/3 tháng, gồm có 14 phần, bà có tham gia 01 phần, dây hụi này bà kêu hốt đầu với số tiền kêu là 1.800.000 đồng. Sau khi hốt có đóng lại được 1 lần hụi chết và còn nợ lại 12 lần chưa đóng với số tiền là 60.000.000 đồng.

Do khi hốt dây hụi 5.000.000 đồng vào năm 2019 thì bà T đã căn trừ số tiền hụi mà bà hốt được để trừ vào các dây hụi 1.000.000 đồng và 3.000.000 đồng như trên. Do đó đối với số tiền hụi còn nợ bà T bà đồng ý trả cho bà T tổng cộng số tiền là 61.000.000 đồng.

Việc bà chơi hụi, hốt hụi và đóng hụi chết chỉ có mình bà tham gia, chồng bà ông Huỳnh Văn H không biết và không có liên quan gì đến việc chơi hụi này, mỗi lần đóng hụi là cũng do bà đến nhà bà T gởi tiền hụi chứ bà T cũng chưa khi nào đến nhà bà để thu tiền hụi.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Việc T1 tham gia chơi hụi do bà Lương Thị T làm chủ ông không hề hay biết, bà T cũng chưa từng gặp ông để thu tiền hụi hay cho ông hay về việc vợ ông chơi hụi của bà T. Việc T1 chơi hụi và dùng tiền hốt hụi làm gì ông không biết vì T1 không có đem tiền gì về nhà để lo cho gia đình. Đến khoảng T1 gian gần đây sau khi T1 bỏ nhà đi làm thì bà T có đến gặp ông một lần và nói là T1 có nợ hụi hỏi ông có hứa trả được không, ông nói là việc chơi hụi nào tới giờ ông không biết còn tiền nợ thì hứa trả mà không thực hiện được thì kỳ lắm cho đến nay bà T không có cũng không có đến nữa.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông trả tiền nợ hụi ông không đồng ý vì ông không có chơi hụi cũng không đồng ý việc T1 chơi hụi. Bản thân ông và gia đình cũng không hưởng lợi gì từ tiền mà T1 hốt hụi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông có biết việc vợ ông là bà Lương Thị Thắm làm đầu thảo để tổ chức hụi cho các người cùng xóm tham gia và ông cũng thống nhất với bà T nhưng việc giao nhận tiền hụi với nhau hoàn toàn do bà T làm, thỉnh thoảng ông mới đi nhận tiền hụi thay, việc bà T kiện bà T1 để yêu cầu trả số tiền hụi mà chúng tôi đã bỏ ra trả cho các hụi viên khác thì ông không có ý kiến gì. Tòa án tuyên buộc bà T1 trả tiền cho bà T hay cho vợ chồng ông đều được.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu giữ nguyên yêu cầu trước đây. Bà Tăng Kim T1, ông Huỳnh Văn H phát biểu giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên tòa của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T về việc yêu cầu bà Tăng Kim T1 trả số tiền hụi còn nợ là 75.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu đối với ông Huỳnh Văn H về việc có trách nhiệm cùng trả với bà T1. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bà T1 phải chịu theo quy quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là bà Tăng Kim T1, ông Huỳnh Văn H hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, xã TT, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về xét xử vắng mặt: Ông Phạm Văn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T: Bà Lương Thị T kiện cho rằng bà T1 có tham gia các dây gồm hụi tháng và hụi mùa do bà làm chủ hụi, bà T1 đã hốt chết tất cả các dây hụi và có đóng hụi chết đến tháng hết tháng 01/2019 âm lịch thì ngưng không đóng tiếp nên còn nợ tiền hụi chết của 03 dây hụi với số tiền là 75.000.000 đồng. Quá trình giải quyết bà Tăng Kim T1 thừa nhận có tham gia hụi và đã hốt như bà T trình bày nhưng đối với 02 dây hụi 1.000.000 và dây hụi 3.000.000 đã hốt thì khi bà kêu hốt dây hụi 5.000.000 bà T đã cản trừ xong phần hụi chết của bà nên bà không còn nợ bà T và chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền dây hụi 5.000.000 còn 12 lần chưa đóng là 60.000.000 đồng và 01 lần chưa đóng dây hụi 1.000.000 là 1.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà T1 cho rằng có đưa tiền hụi để đóng đủ phần hụi chết của các dây hụi mà bà đã tham gia cho bà T nhưng bà T chỉ thừa nhận bà T1 đóng hụi chết lại đến tháng 01/2019 âm lịch thì ngưng không đóng nữa, bà T1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà có giao tiền cho bà T. Hơn nữa tại phiên tòa bà T1 thừa nhận vào tháng 01/2019 khi hốt dây hụi 5.000.000 thì bà T đã cản trừ tiền nợ hụi chết các dây còn lại của bà đến T1 điểm hốt hụi chứ không trừ toàn bộ số tiền hụi chết bà phải đóng lại cho từng dây hụi, sau đó bà có đóng cho bà T được khoảng 1, 2 lần nữa thì ngưng không đóng cho đến nay, đối chiếu lời khai của bà T1 với các dây hụi mà bà T1 đã tham gia là phù hợp với lời trình bày của bà

T. Do đó việc bà T kiện yêu cầu bà T1 tiếp tục phải trả số tiền hui 75.000.000 đồng còn nợ là có căn cứ và được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà T buộc ông Huỳnh Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ với bà T1: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà T thừa nhận khi tham gia hui bà T1 yêu cầu bà không báo cho ông H biết việc bà T1 chơi hui và được bà T đồng ý và bà T cho rằng bà T1 tham gia hui và hốt hui nhằm mục đích sử dụng, chi tiêu trong gia đình nên ông H phải có trách nhiệm cùng trả nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà T1 dùng số tiền này nhằm mục đích phục vụ cuộc sống của gia đình ông H, bà T1. Ông H cũng không thừa nhận việc bà T1 tham gia hui và sử dụng tiền hui để chăm lo cuộc sống gia đình nên chưa đủ căn cứ để Tòa án buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới với bà T để trả nợ tiền hui cho bà T.

[2]. Về án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Tăng Kim T1 phải chịu mức án phí có giá ngạch đối với số tiền buộc trả.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xét thấy có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Hộ, hui, biên, phường.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T. Buộc bà Tăng Kim T1 phải trả cho bà Lương Thị T số tiền hui còn nợ 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm cùng với bà Tăng Kim T1 trả nợ cho bà.

2. Về án phí:

- Buộc bà Tăng Kim T1 phải chịu 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lương Thị T được nhận lại 1.875.000 (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004355 ngày 15/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong T1 hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Đ vắng ămtj được quyền kháng cáo bản án trong T1 hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; T1 hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Trần Minh Mẫn